

Quyết định số: 03/2020/HS-GĐT
Ngày 30 tháng 3 năm 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

ỦY BAN THẨM PHÁN TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Tuấn.

Các thành viên Hội đồng giám đốc thẩm: Ông Nguyễn Văn Tiến và ông Phạm Việt Cường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Nhật – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Lê Ra- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án hình sự đối với:

Lưu Ngọc T (tên gọi khác: G), sinh năm 1993, tại Long An; Nơi cư trú:, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tiền án, tiền sự: Không; con ông Lưu Đại S, sinh năm 1970 và bà Trần Thị Tuyết M, sinh năm 1970; Bị tạm giam từ ngày 06/11/2018 đến ngày 04/01/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn sang Bảo lãnh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tháng 10/2018, Lưu Ngọc T được 01 thanh niên tên T1 (không rõ nhân thân lai lịch) cho 01 gói ma túy và mang theo người để sử dụng. Khoảng 05 giờ 30 phút ngày 06/11/2018, trong lúc T cùng Trần L, Nguyễn Văn N, Phan Văn M cùng ăn nhậu tại quán X thì L hỏi T: “có mang theo hàng ra không?”, T lấy ra trong túi xách mang theo một hộp kẹo Xilytol bên trong có bì ni lông chứa nhiều mảnh nhỏ ma túy đá giơ lên cho L xem thì L, N, M đều nhìn thấy nhưng không ai nói gì, sau đó T cất hộp kẹo Xyliol vào trong túi rồi nhậu tiếp. Khoảng 06 giờ 30 phút cùng ngày, T nói L lấy khách sạn để chơi ma túy và nghỉ ngơi thì L đồng ý. L nói N và M ở lại quán dọn dẹp xong thì ra khách sạn chơi (tức là sử dụng ma túy) thì M, N đồng ý và nói “Lát sau ra”. Sau đó, L chở T đến thuê phòng 302 khách sạn X Hotel. L hỏi chị Trần Thị T (nhân viên khách sạn) mượn loa nghe nhạc đưa lên phòng, rồi điện thoại rủ Trần Thị N, Nguyễn Trung T và Lê Thị Bảo Q đến khách sạn cùng sử dụng ma túy.

Lúc 08 giờ 30 phút ngày 06/11/2018, Công an thành phố T kiểm tra hành chính tại khách sạn X Hotel phát hiện: Trần L, Nguyễn Văn N, Phan Văn M, Nguyễn Trung T, Lê Thị Mộng T, Lê Thị Bảo Q và Trần Thị N đang ở trong phòng 302, kết quả thử test nhanh bằng que thử xác định: L, M, T, T, Q và N dương tính với Methamphetamine; thu giữ tại phòng 302 được 03 gói ni lông, 01 gói giấy bạc bên trong có các viên nén và thực vật khô, Lưu Ngọc T khai nhận đó là thuốc lắc và cần sa do T đưa tới.

Kết luận giám định số 288/GĐ-PC09 ngày 08/11/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Yên xác định các chất thu giữ trong các gói trên, gồm: 0,378 gam Methamphetamine; 2,621 gam cần sa; 0,198 Ketamine.

Tại Bản kết luận điều tra số 46/CSĐT ngày 07/5/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T, tỉnh Phú Yên đề nghị truy tố Lưu Ngọc T tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại Cáo trạng số 39/CT-VKS ngày 24/5/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên truy tố Lưu Ngọc T tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c, i khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2019/HSST ngày 16/7/2019, Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên áp dụng điểm c, i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt Lưu Ngọc T 01 năm 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Ngoài ra bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/02/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng ban hành Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 17/QĐ-VC2, với nội dung: Bị cáo Lưu Ngọc T là người cung cấp ma túy và có ý định cho những người khác cùng sử dụng ma túy tại khách sạn. Trần L là người tiếp nhận ý định trên của T, đã chủ động liên hệ đặt phòng tại khách sạn X Hotel đồng thời chuẩn bị loa nghe nhạc, đưa lên phòng đã thuê để phục vụ cho việc sử dụng ma túy. L cũng là người đã rủ Nguyễn Văn N, Phan Văn M, Nguyễn Trung Nguyên, Lê Thị Bảo Q và Trần Thị N đến khách sạn X Hotel cùng sử dụng ma túy.

Hành vi nêu trên của Lưu Ngọc T và Trần L đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại Điều 255 Bộ luật hình sự. Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Lưu Ngọc T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” là không đúng tội danh, dẫn đến áp dụng hình phạt quá nhẹ, không tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đồng thời cho bị cáo hưởng án treo là không đảm bảo tính nghiêm minh. Cơ quan tiến hành tố tụng thành phố T không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Trần L là bỏ lọt người phạm tội. Do đó, kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án hình

sự sơ thẩm số 36/2019/HSST ngày 16/7/2019 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên. Đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử theo thủ tục giám đốc thẩm, hủy bản án hình sự nêu trên để điều tra lại, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Lưu Ngọc T và Trần L về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm nêu trên của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tội danh:

[1.1] Xét lời khai của Lưu Ngọc T: Tại Biên bản bắt người phạm tội quá tang (bút lục số 01-02), T khai: *“Trong lúc nhậu thì L hỏi tôi có mang kẹo (có nghĩa là thuốc lắc) ra không thì tôi trả lời là có, đồng thời tôi lấy ma túy gồm 02 bịch cần sa và 2,5 viên thuốc lắc từ trong túi xách của tôi đưa ra cho L xem rồi tôi cất ma túy vào trong túi quần đang mặc trên người. Đến khoảng 07 giờ 20 phút cùng ngày thì tôi hỏi L tìm khách sạn nào để nghỉ và để sử dụng ma túy thì L nói đi đến Khách sạn X Hotel ở phường 9, Tp T đồng thời tôi và L có rủ M và N cùng đi ra khách sạn chơi ma túy thì M và N nói lát ra sau”*; Bản tự khai ngày 06/11/2018, T khai hỏi L có chỗ nào nghỉ và sử dụng ma túy không thì L đồng ý và hẹn địa điểm khách sạn cho N và M biết đến Khách sạn X Hotel; tại khách sạn, L là người chủ động mượn loa và đèn phục vụ cho việc sử dụng ma túy; Tại các Biên bản ghi lời khai ngày 09/11/2018 (bút lục số 123, 125), Biên bản hỏi cung ngày 18/01/2019 (bút lục số 139) T đều khai mục đích đem ma túy từ TP.HCM ra để sử dụng cùng bạn bè.

[1.2] Lời khai của Lưu Ngọc T phù hợp với lời khai của Trần L (tại các bút lục số 180, 182, 184, 185) về việc tại quán nhậu X, Trần L là người chủ động hỏi T về ma túy, sau khi L hỏi thì T lấy ma túy cho L xem. Khi T đề cập việc muốn tìm chỗ nghỉ ngơi và sử dụng ma túy thì L đồng ý, cả L và T cùng liên hệ địa điểm là Khách sạn X Hotel. Sau đó, Trần L sử dụng tài khoản Facebook nhắn tin rủ Lê Thị Bảo Q đến khách sạn chơi, khi nghe L hỏi thì Q hiểu là ra sử dụng ma túy (lời khai của Q tại các bút lục số 307, 309, 311, 313); L cũng điện thoại rủ Nguyễn Trung T đến khách sạn để sử dụng ma túy (lời khai của T tại các bút lục số 228-230), Lời khai của Lê Thị Mộng T cũng khai nhận việc L gọi điện cho T rủ đến khách sạn để sử dụng ma túy; Lời khai của Trần Thị N (bút lục số 280, 284, 286) xác định Trần L là người nhắn tin rủ Q đến sử dụng ma túy, cả N và Q cùng khai khi đến Khách sạn, L đưa cho N, Q mỗi người 1/4 viên thuốc màu xanh để sử dụng (bút lục số 284, 308). Lời khai của các đối tượng T, N và Q cũng phù hợp với lời khai của Lưu Ngọc T tại phiên tòa sơ thẩm về việc Trần L là người chủ động gọi các đối tượng khác đến khách sạn sử dụng ma túy (bút lục số 391-395).

[1.3] Tiểu mục 6.1 mục 6 của Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24-12-2007 hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Chương XVIII “*Các tội phạm về ma túy*” của Bộ luật hình sự năm 1999, quy định:

“6. *Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy (Điều 197)*

6.1. “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” là một trong các hành vi sau đây:

a) *Chỉ huy, phân công, điều hành các hoạt động đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể người khác;*

b) *Chỉ huy, phân công, điều hành việc chuẩn bị, **cung cấp chất ma túy, địa điểm**, phương tiện, dụng cụ dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy, tìm người sử dụng chất ma túy.*

Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây theo sự chỉ huy, phân công, điều hành của người khác thì bị coi là đồng phạm về tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy: đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể người khác; cung cấp trái phép chất ma túy cho người khác để họ sử dụng trái phép chất ma túy; chuẩn bị chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào (mua, xin, tàng trữ, sản xuất...) nhằm đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể người khác; chuẩn bị địa điểm (thuê địa điểm, mượn địa điểm, sử dụng địa điểm không thuộc quyền chiếm hữu của mình hoặc đang do mình quản lý để làm nơi đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể người khác); chuẩn bị dụng cụ, phương tiện dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào (mua, xin, tàng trữ...) nhằm sử dụng để đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể người khác; tìm người sử dụng chất ma túy để đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể của họ”.

Lời khai của Lưu Ngọc T, Trần L, Nguyễn Trung T, Lê Thị Mộng T, Lê Thị Bảo Q, Trần Thị N tại Biên bản bắt người phạm tội quả tang hoàn toàn phù hợp với nhau, đúng với diễn biến của vụ việc như nhận định ở trên, có cơ sở xác định: Trần L là người tiếp nhận ý chí từ Lưu Ngọc T về việc tìm địa điểm (khách sạn) để sử dụng ma túy, đồng thời rủ rê, cung cấp ma túy cho các đối tượng khác cùng sử dụng tại khách sạn X Hotel.

Đối chiếu với hướng dẫn nêu trên thấy rằng hành vi của Lưu Ngọc T và Trần L đủ yếu tố cấu thành tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” quy định tại Điều 255 Bộ luật hình sự, nhưng Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên xét xử Lưu Ngọc T về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” là chưa đúng tội danh, không xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Trần L là có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm.

[2] Về hình phạt: Tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” quy định tại Điều 255 Bộ luật hình sự có khung hình phạt khởi điểm quy định tại khoản 1 là bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm, do Tòa án nhân dân thành phố T xét xử bị cáo Lưu Ngọc T không đúng tội danh dẫn đến xử phạt bị cáo mức án 1 năm

6 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 năm, mức hình phạt này là nhẹ, không tương xứng với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo và không đảm bảo công tác phòng ngừa chung.

[3] Từ nhận định trên thấy cần chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 17/QĐ-VC2 ngày 13/02/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, hủy toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2019/HSST ngày 16/7/2019 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên để điều tra lại theo đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 382; khoản 3 Điều 388; Điều 391 Bộ luật tố tụng hình sự;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 17/QĐ-VC2 ngày 13/02/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng. Hủy toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2019/HSST ngày 16/7/2019 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên để điều tra lại theo quy định của pháp luật.

2. Chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng để điều tra lại theo thủ tục chung.

3. Quyết định của Hội đồng giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định./.

Nơi nhận:

- TANDTC - Vụ I;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng (kèm hs vụ án);
- TAND tp T, tỉnh Phú Yên;
- VKSND tp T, tỉnh Phú Yên;
- Cq THAHS CA tp.T, tỉnh Phú Yên;
- Người tham gia tố tụng (theo đ/c);
- Lưu: Phòng GDKT I; Phòng HCTP, LTHS.

TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Minh Tuấn